

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đê, kè bảo vệ bờ biển xã Hải Châu,
Hải Ninh, huyện Tĩnh Gia (nay là phường Hải Châu, Hải Ninh,
thị xã Nghi Sơn), tỉnh Thanh Hóa**

CHỦ TỊCH UBND TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020; Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015; Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình; Thông tư số 09/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư số 10/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 ban hành định mức xây dựng; Thông tư số 11/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 hướng dẫn xác định giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng; Thông tư số 16/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 hướng dẫn xác định chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng; Thông tư số 02/2020/TT-BXD ngày 20/7/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của 04 Thông tư có liên quan đến quản lý chi phí đầu tư xây dựng của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 24/2018/QĐ-UBND ngày 27/7/2018 của UBND tỉnh quy định phân công, phân cấp thẩm định dự án, thiết kế cơ sở và thiết kế, dự toán xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ các Quyết định số 1880/QĐ-UBND ngày 19/6/2009, số 3106/QĐ-UBND ngày 22/9/2011 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt, điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình đê, kè bảo vệ bờ biển xã Hải Châu, Hải Ninh, huyện Tĩnh Gia (nay là phường Hải Châu, Hải Ninh, thị xã Nghi Sơn), tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 5617/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 của UBND tỉnh về

việc giao kế hoạch chi tiết cho các chương trình, dự án từ nguồn vốn đầu tư công năm 2021 do tỉnh quản lý (đợt 1);

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 08/TTr-SNN&PTNT ngày 12/01/2021 (kèm theo Thông báo kết quả thẩm định số 93/SNN&PTNT-QLXDCT ngày 11/01/2021 và hồ sơ liên quan) về việc điều chỉnh dự án đê, kè bảo vệ bờ biển xã Hải Châu, Hải Ninh, huyện Tĩnh Gia (nay là phường Hải Châu, Hải Ninh, thị xã Nghi Sơn), tỉnh Thanh Hóa.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh dự án đê, kè bảo vệ bờ biển xã Hải Châu, Hải Ninh, huyện Tĩnh Gia (nay là phường Hải Châu, Hải Ninh, thị xã Nghi Sơn), tỉnh Thanh Hóa, với những nội dung chính sau:

1. Khái quát về dự án:

Dự án đê, kè bảo vệ bờ biển xã Hải Châu, Hải Ninh (nay là phường Hải Châu, Hải Ninh, thị xã Nghi Sơn), tỉnh Thanh Hóa được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt, điều chỉnh tại các Quyết định số 1880/QĐ-UBND ngày 19/6/2009, số 3106/QĐ-UBND ngày 22/9/2011, với tổng mức đầu tư là 415.069 triệu đồng. Hiện nay, đoạn đê, kè từ xã Hải Châu (nay là phường Hải Châu) đến xã Hải Ninh (nay là phường Hải Ninh) đã thi công hoàn thành tháng 12/2012, bàn giao đưa vào sử dụng và được phê duyệt quyết toán với giá trị là 122.134,77 triệu đồng; đoạn từ C2÷C102, cống qua đê số 1, đường thi công số 1, 2, 3 và 6 đoạn đê, kè kéo dài từ xã Hải Ninh (nay là phường Hải Ninh) đến xã Hải Lĩnh (nay là phường Hải Lĩnh) đã thi công hoàn thành tháng 5/2015, bàn giao đưa vào sử dụng và được phê duyệt quyết toán với giá trị là 117.194,101 triệu đồng; đoạn đê, kè từ C166÷C205 và tuyến đường thi công số 5 thực hiện ước đạt 80% khối lượng theo hợp đồng; còn lại đoạn từ C102÷C166 nằm trong dự án khu đô thị sinh thái Tân Dân, huyện Tĩnh Gia (nay là thị xã Nghi Sơn).

Ngày 30/12/2020, UBND tỉnh có Quyết định số 5617/QĐ-UBND về việc giao kế hoạch chi tiết cho các chương trình, dự án từ nguồn vốn đầu tư công năm 2021 do tỉnh quản lý (đợt 1), trong đó dự án đê, kè bảo vệ bờ biển xã Hải Châu, Hải Ninh (nay là phường Hải Châu, Hải Ninh) được giao kế hoạch vốn 8.000 triệu đồng.

2. Chủ đầu tư: Chi cục Đê điều và Phòng chống lụt bão (nay là Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo Quyết định số 4518/QĐ-UBND ngày 24/11/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh).

3. Nhà thầu lập dự án điều chỉnh: Trung tâm Chính sách và Kỹ thuật thủy lợi.

4. Lý do điều chỉnh dự án:

Trong quá trình thực hiện dự án, do khó khăn về nguồn vốn và kết hợp phát triển du lịch ven biển, Chủ tịch UBND tỉnh đã có các chủ trương: dùng đầu tư xây dựng tuyến đê, kè biển từ xã Hải Ninh (nay là phường Hải Ninh) đến xã Hải

Lĩnh (nay là phường Hải Lĩnh), đoạn đi qua dự án khu đô thị sinh thái Tân Dân tại Công văn số 13945/UBND-NN ngày 02/12/2016; điều chỉnh tách khối lượng còn lại của tuyến đường thi công số 5 ra khỏi dự án (phần này đã giao cho địa phương đầu tư hoàn thành) và giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn lập hồ sơ điều chỉnh dự án, trình duyệt theo quy định tại Công văn số 7962/UBND-THKH ngày 25/6/2019 và cho phép triển khai thực hiện dự án đến điểm dừng kỹ thuật phát huy hiệu quả đầu tư tại Công văn số 1674/UBND-NN ngày 14/02/2020. Mặt khác, dự án đã được UBND tỉnh giao kế hoạch năm 2021 là 8.000 triệu đồng để hoàn thành dự án đến điểm dừng kỹ thuật theo chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Công văn số 1674/UBND-NN ngày 14/02/2020. Vì vậy, để có cơ sở thực hiện các công việc tiếp theo thì việc điều chỉnh dự án trên là cần thiết và phù hợp với tình hình thực tế.

5. Nội dung điều chỉnh:

a) Các nội dung cắt giảm không thực hiện đầu tư theo chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại các Công văn số 13945/UBND-NN ngày 02/12/2016, số 7962/UBND-THKH ngày 25/6/2019 và số 1674/UBND-NN ngày 14/02/2020, cụ thể:

- Trồng cây chắn sóng.
- Đoạn đê, kè từ cọc C102÷C166, cống tiêu tại cọc C145 và tuyến đường thi công số 4.
- Khối lượng còn lại của tuyến đường thi công số 5: Đoạn từ C1÷P1+19 m dài $L = 684$ m; cống số 1 tại K0+615; cống số 2 tại K0+815; biển báo và khung không chế tải trọng. Riêng đoạn từ P1+19 m÷C21+19,8 m dài $L = 320,8$ m không thực hiện gia cố bê tông M250 mặt đường.

b) Các nội dung đã thực hiện thuộc đoạn đê, kè từ cọc C166÷C205:

- Đoạn đê, kè từ cọc C166÷C205: Đã thi công hoàn thành đoạn đê, kè từ cọc C166÷C189A+21,86 m; đoạn từ cọc C189A+21,86 m÷C205 dài $L = 381,7$ m đã thi công hoàn thành kè lát mái phía biển và đắp đất đến cao trình thiết kế (+4.30) m, riêng hạng mục tường chắn sóng, thêm giảm sóng và bê tông mặt đê chưa thi công.

- Tuyến đường thi công số 5:

Đoạn từ cọc P1+19 m÷C28+12,95 m dài $L = 744,45$ m: Đã thi công đắp hoàn thiện nền đường thiết kế $B = 6$ m bằng đất đồi đầm chặt đảm bảo $K \geq 0,9$; móng bằng cấp phối đá dăm loại 2 đầm lèn đảm bảo độ chặt $K \geq 0,95$ dày 20cm; riêng đoạn từ C21+19,8 m÷C28+13 m dài $L = 423,7$ m đã thi công hoàn thiện theo mặt cắt thiết kế được duyệt (mặt đường bằng bê tông thường M250 dày 20cm, phía dưới lót nilon tái sinh, dọc theo chiều dài tuyến đường cứ 5 m cắt 1 khe co giãn sâu 17 cm, lề đường đắp bằng đất đồi).

- Cống số 3 tại K1+320,5: Đã thi công hoàn thành.

6. Địa điểm xây dựng: Tại các phường Hải Châu, Hải Ninh, Hải Lĩnh, thị xã Nghi Sơn.

7. Tổng mức đầu tư dự án điều chỉnh: 272.855,2 triệu đồng;

Trong đó:

Chi phí xây dựng	237.793,7	triệu đồng;
Chi phí quản lý dự án	2.759,1	triệu đồng;
Chi phí tư vấn ĐTXD	9.012,6	triệu đồng;
Chi phí khác	6.809,5	triệu đồng;
Chi phí bồi thường GPMB	14.480,3	triệu đồng;
Chi phí dự phòng	2.000,0	triệu đồng.

(Có phụ biểu chi tiết kèm theo)

8. Nguồn vốn đầu tư: Nguồn vốn trái phiếu Chính phủ, ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh.

9. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án. Riêng tuyến đê, kè từ cọc C166÷C205, đường thi công số 5 được chủ đầu tư ủy thác quản lý dự án cho Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thanh Hóa.

10. Thời gian thực hiện dự án điều chỉnh: Hoàn thành trước ngày 31/12/2021.

11. Các nội dung khác: Thực hiện theo các Quyết định số 1880/QĐ-UBND ngày 19/6/2009, số 3106/QĐ-UBND ngày 22/9/2011 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 2. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện dự án theo đúng Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020; Luật Đấu thầu năm 2013 và các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND thị xã Nghi Sơn và Thủ trưởng các ngành, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- PCT UBND tỉnh Lê Đức Giang;
- Lưu: VT, NN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Đức Giang

PHỤ BIỂU TỔNG MỨC ĐẦU TƯ ĐIỀU CHỈNH

Dự án đề, kè bảo vệ bờ biển xã Hải Châu, Hải Ninh, huyện Tĩnh Gia (nay là phường Hải Châu, Hải Ninh, thị xã Nghi Sơn), tỉnh Thanh Hóa
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Khoản mục chi phí	TMDT theo QĐ số 3106/QĐ-UBND ngày 22/9/2011	TMDT điều chỉnh	Chênh lệch (tăng (+), giảm (-))
I	Chi phí xây dựng	330.243,2	237.793,7	-92.449,4
II	Chi phí quản lý dự án	4.040,8	2.759,1	-1.281,7
III	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	10.329,6	9.012,6	-1.317,0
1	Chi phí khảo sát giai đoạn lập dự án	208,080	208,084	0,004
2	Chi phí lập dự án đầu tư	267,350	255,723	-11,627
3	Chi phí khảo sát giai đoạn lập dự án điều chỉnh	777,618	711,151	-66,467
4	Chi phí lập dự án điều chỉnh	511,014	526,516	15,502
5	Chi phí khảo sát, lập TKBVTC-DT	4.720,755	3.889,528	-831,227
6	Chi phí thẩm tra TKBVTC-DT	390,468	308,718	-81,750
7	Chi phí lựa chọn nhà thầu xây dựng	171,551	184,973	13,422
8	Chi phí giám sát thi công xây dựng	3.282,745	2.851,900	-430,845
9	Chi phí giám sát, đánh giá dự án đầu tư		76,000	76,000
IV	Chi phí khác	7.722,5	6.809,5	-913,0
1	Chi phí bảo hiểm công trình	3.401,507	2.111,857	-1.289,650
2	Phí thẩm định dự án	15,260	14,150	-1,110
3	Phí thẩm định dự án điều chỉnh	35,100	13,200	-21,900
4	Phí thẩm định TKBVTC	9,800	28,300	18,500

TT	Khoản mục chi phí	TMDT theo QĐ số 3106/QĐ-UBND ngày 22/9/2011	TMDT điều chỉnh	Chênh lệch (tăng (+), giảm (-))
5	Phí thẩm định dự toán	8,620	27,300	18,680
6	Phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	33,022	29,800	-3,222
7	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	409,321	275,001	-134,320
8	Chi phí kiểm toán	990,172	491,757	-498,415
9	Chi phí rà phá bom mìn, vật nổ	2.000,000	1.989,927	-10,073
10	Chi phí lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường	400,000	615,446	215,446
11	Phí bảo vệ môi trường khai thác khoáng sản	419,720	Đã tính trong chi phí xây dựng	-419,720
12	Chi phí thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường		4,000	4,000
13	Chi phí trích đo bản đồ địa chính		199,426	199,426
14	Chi phí điều tra, lập Báo cáo giám sát môi trường		996,533	996,533
15	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng		10,000	10,000
16	Phí thẩm định giá vật liệu xây dựng		2,800	2,800
V	Chi phí bồi thường GPMB	25.000,0	14.480,3	-10.519,7
VI	Chi phí dự phòng	37.733,4	2.000,0	-35.733,4
	Tổng cộng	415.069,5	272.855,2	-142.214,3